

Số: 08/2024/QĐST-HNGĐ

Phong Thổ, ngày 19 tháng 11 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 06/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lường Thị L**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: **Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.**

Bị đơn: Anh **Màng Văn T**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: **Thôn Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lai Châu.**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Lường Thị L** và anh **Màng Văn T**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lường Thị L** và anh **Màng Văn Thỏa thuận T1** ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị **Lường Thị L** và anh **Màng Văn T** có 01 con chung là **Màng Đức D**, sinh ngày 13/9/2010. Chị **Lường Thị L** và anh **Màng Văn T** thoả thuận, thống nhất sau khi ly hôn:

Anh **Màng Văn T** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là **Màng Đức D** cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Chị **Lường Thị L** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Màng Văn T** không yêu cầu chị **Lường Thị L** phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

2.4. Về chia tài sản chung: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị **Lường Thị L** và anh **Màng Văn T** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Nguyên đơn chị **Lường Thị L** và bị đơn anh **Màng Văn T** mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị **Lường Thị L** tự nguyện nộp toàn bộ án phí của vụ án bao gồm cả phần án phí mà anh **Màng Văn T** phải chịu. Tổng cộng chị **Lường Thị L** phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Xác nhận chị **Lường Thị L** đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: 0000413 ngày 07/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Nay trả lại cho chị **Lường Thị L** 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- Chi cục THADS huyện Phong Thổ;
- UBND thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Dương Thị Tuyết Thanh**